

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực Tiếp công dân, Xử lý đơn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Thanh tra tỉnh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 193/QĐ-TTCP ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Tổng Thanh tra Chính phủ về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực tiếp công dân thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Thanh tra Chính phủ; Quyết định số 194/QĐ-TTCP ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Tổng Thanh tra Chính phủ về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực xử lý đơn thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Thanh tra Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra tỉnh tại Tờ trình số 348/TTr-TTT ngày 24 tháng 5 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực Tiếp công dân, Xử lý đơn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Thanh tra tỉnh theo Quyết định số 193/QĐ-TTCP ngày 20 tháng 5 năm 2022 và Quyết định số 194/QĐ-TTCP ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Tổng Thanh tra Chính phủ.

Điều 2. Quyết định này sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1964/QĐ-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Tiếp công dân, Xử lý đơn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Thanh tra tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Chánh Thanh tra tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Ban Tiếp công dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC);
- Thanh tra Chính phủ;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Bưu điện tỉnh;
- VNPT Bình Định;
- TT TH-CB, P. HC-TC;
- Lưu: VT, KSTT, K11.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lâm Hải Giang

T T	Tên TTHC được thay thế	Tên TTHC thay thế	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả KQGQ TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả BCCI	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC	Mã số TTHC						
Thủ tục hành chính công bố theo Quyết định số 193/QĐ-TTCP ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Tổng Thanh tra Chính phủ								
1. Lĩnh vực Tiếp công dân								
1	Thủ tục tiếp công dân tại cấp tỉnh	Thủ tục tiếp công dân tại cấp tỉnh	Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, người tiếp công dân có trách nhiệm trả lời trực tiếp hoặc thông báo bằng văn bản đến người đã đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.	- Trụ sở Ban Tiếp công dân tỉnh (đối với TTHC thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh). - Phòng tiếp công dân của Thanh tra tỉnh, các sở, ban, ngành tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả (đối với TTHC thuộc thẩm quyền quyết định của các sở, ban, ngành)	Không	Không	- Luật Tiếp công dân năm 2013; - Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ	Cấp tỉnh
	2.002175.000.00.00.H08							

T T	Tên TTHC được thay thế	Tên TTHC thay thế	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả KQGQ TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả BCCI	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC	Mã số TTHC						
Thủ tục hành chính công bố theo Quyết định số 194/QĐ-TTCP ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Tổng Thanh tra Chính phủ								
2. Lĩnh vực Xử lý đơn								
2	Thủ tục xử lý đơn tại cấp tỉnh	Thủ tục xử lý đơn tại cấp tỉnh	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn khieu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.	- Trụ sở Ban Tiếp công dân tỉnh (đối với TTHC thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh). - Phòng tiếp công dân của Thanh tra tỉnh, các sở, ban, ngành tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả (đối với TTHC thuộc thẩm quyền quyết định của các sở, ban, ngành)	Không	Không	- Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011; - Luật Tố cáo ngày 12/6/2018; - Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ; - Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 05/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ.	Cấp tỉnh
	2.001899.000.00.00.H08							
	Tổng cộng: 02 TTHC							

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN (02 TTHC)

T T	Tên TTHC được thay thế	Tên TTHC thay thế	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả KQGQ TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả BCCI	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC	Mã số TTHC						
Thủ tục hành chính công bố theo Quyết định số 193/QĐ-TTCP ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Tổng Thanh tra Chính phủ								
1. Lĩnh vực Tiếp công dân								
1	Thủ tục tiếp công dân tại cấp huyện	Thủ tục tiếp công dân tại cấp huyện	Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, người tiếp công dân có trách nhiệm trả lời trực tiếp hoặc thông báo bằng văn bản đến người đã đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.	Trụ sở Ban tiếp công dân cấp huyện	Không	Không	- Luật Tiếp công dân năm 2013; - Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ.	Cấp huyện
	2.002174.000.00.00.H08							
Thủ tục hành chính công bố theo Quyết định số 194/QĐ-TTCP ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Tổng Thanh tra Chính phủ								

T T	Tên TTHC được thay thế	Tên TTHC thay thế	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả KQGQ TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả BCCI	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC	Mã số TTHC						
2. Lĩnh vực Xử lý đơn								
2	Thủ tục xử lý đơn tại cấp huyện	Thủ tục xử lý đơn tại cấp huyện	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.	Trụ sở Ban tiếp công dân cấp huyện	Không	Không	- Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011; - Luật Tố cáo ngày 12/6/2018; - Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ; - Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 05/2021/TT-TTCTP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ.	Cấp huyện
	2.8001879.000.00.00.H08							
Tổng cộng: 02 TTHC								

III. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (02 TTHC)

T T	Tên TTHC được thay thế	Tên TTHC thay thế	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả KQQQ TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả BCCI	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC	Mã số TTHC						
Thủ tục hành chính công bố theo Quyết định số 193/QĐ-TTCP ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Tổng Thanh tra Chính phủ								
1. Lĩnh vực Tiếp công dân								
1	Thủ tục tiếp công dân tại cấp xã	Thủ tục tiếp công dân tại cấp xã	Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, người tiếp công dân có trách nhiệm trả lời trực tiếp hoặc thông báo bằng văn bản đến người đã đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.	Phòng tiếp công dân của UBND cấp xã	Không	Không	- Luật Tiếp công dân năm 2013; - Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ.	Không
	2.001909.000.00.00.H08							
Thủ tục hành chính công bố theo Quyết định số 194/QĐ-TTCP ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Tổng Thanh tra Chính phủ								
2. Lĩnh vực Xử lý đơn								
2	Thủ tục xử lý đơn tại cấp xã	Thủ tục xử lý đơn tại cấp xã	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại, tố cáo,	Phòng tiếp công dân của UBND cấp xã	Không	Không	- Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011; - Luật Tố cáo ngày 12/6/2018;	Không
	2.001801.000.00.00.H08							

T T	Tên TTHC được thay thế	Tên TTHC thay thế	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả KQGQ TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả BCCI	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC	Mã số TTHC						
			kiến nghị, phản ánh.				- Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ; - Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 05/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ.	
	Tổng cộng: 02 TTHC							